

MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 9- HĐTH TUẦN 3,4

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p><b>Tên</b> <b>bài học:</b> <b>Bài 5: Thực hành PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ NĂM 1989 VÀ NĂM 1999</b> <b>Khối lớp: 9</b></p>	
<p><b>Hoạt động 1:</b> <i>Đọc yêu cầu bài tập 1 và thực hiện các yêu cầu.</i> <i>Bài tập 3:giảm tải hs tự làm</i></p>	<p><b>Bài tập 1:</b> Các yếu tố trên tháp tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trục ngang: tỉ lệ %</li> <li>- Trục đứng :độ tuổi</li> <li>- Các thanh ngang thể hiện dân số từng nhóm tuổi</li> </ul> <p>Phải ,trái: giới tính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gam màu:</li> </ul> <p>? So sánh hình dạng 2 tháp (đáy ,thân,đỉnh) ?          ? So sánh các nhóm tuổi:0-14, 15- 59, trên 60 tuổi ở hai tháp?          ? Tỉ lệ dân số phụ thuộc: tỉ số giữa người dưới 15 tuổi cộng với trên 60 tuổi ở hai tháp khác nhau như thế nào?          ? Nhận xét và giải thích về sự thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta từ năm 1989- 1999?          +Nhóm tuổi nào giảm về tỉ lệ?          + Nhóm tuổi nào tăng về tỉ lệ?          + Dân số nước ta thay đổi theo xu hướng nào?(Già hay trẻ)          HS quan sát tranh ảnh và dựa vào thực tế, kết hợp với vốn hiểu biết trả lời câu hỏi sau:          ? Đánh giá những thuận lợi của cơ cấu dân số theo độ tuổi?          ? Nhóm người trong độ tuổi LĐ tăng thì có khó khăn ntn trong LĐ và việc làm? Đề ra biện pháp giải quyết những khó khăn đó ?</p>

	<p>- GV Cơ cấu dân số nước ta đang già đi nhưng vẫn thuộc dạng cơ cấu dân số trẻ ( đáy rộng ,đỉnh nhọn)</p> <p><b>Phần nội dung ghi vào vở</b></p> <p><b>1.Bài tập 1.</b></p> <p>- Hình dạng tháp tuổi: đều có đáy rộng , đỉnh nhọn, nhưng đáy tháp ở nhóm 0-4 của năm 1999 thu hẹp hơn</p> <p>- Cơ cấu dân số theo độ tuổi dưới và trong độ tuổi lao động năm 1989 và năm 1999 đều cao nhưng năm 1999 nhỏ hơn năm 1989.</p> <p>- Độ tuổi lao động và ngoài lao động năm 1999 cao hơn 1989.</p> <p>- Tỷ lệ phụ thuộc cao nhưng năm 1999 nhỏ hơn năm 1989.</p> <p><b>2. Bài số 2</b></p> <p>- Do thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống nên ở nước ta dân số có xu hướng "già" đi(tỷ lệ trẻ em giảm,tỷ lệ người già tăng)</p>
<p><b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p><b>Hoàn thành bài thực hành vào vở</b></p>
<p><b>BÀI</b> <b>6</b> <b>SỰ</b> <b>PHÁT</b> <b>TRIỂN</b> <b>NỀN</b> <b>KINH TẾ</b> <b>VIỆT</b> <b>NAM</b> <b>(phần I giảm tải bỏ không học)</b></p>	<p>Em hãy đọc thông tin mục II/phần 1</p> <p>? Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế được thể hiện ở các mặt nào?</p> <p>- Dựa vào H6.1</p> <p>- Hãy phân tích xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế?</p> <p>? Xu hướng này thể hiện rõ ở những khu vực nào?</p> <p>? Tại sao có xu hướng chuyển dịch trên?</p> <p>- Dựa vào H 6.2</p> <p>- Hãy xác định các vùng kinh tế của nước ta, phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm</p> <p>- Kê tên các vùng kinh tế giáp biển và không giáp biển?</p> <p>? Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành là hình thành hệ thống vùng kinh tế với các trung tâm công nghiệp mới đã để lại nhiều ảnh hưởng xấu đến môi trường như thế nào? liên hệ ở địa phương em?</p> <p>Em đọc mục 2</p> <p>- Nêu những thành tựu và thách thức trong công cuộc đổi mới nền kinh tế nước ta?</p> <p>- Lấy ví dụ qua thực tế địa phương?</p> <p><b>Phần nội dung ghi vào vở:</b></p>

	<p><b>II. Nền kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới:</b>  - Công cuộc đổi mới được triển khai từ năm 1986.</p> <p><b>1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.</b>  - Chuyển dịch cơ cấu ngành: giảm tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp. Tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp-xây dựng. Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.  - Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ, tạo nên các vùng kinh tế phát triển năng động.  - Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.</p> <p><b>2. Những thành tựu và thách thức:</b>  - Thành tựu:  + Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá.  + Trong công nghiệp đã hình thành một số ngành trọng điểm nổi bật là ngành dầu khí, điện, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng.  + Hoạt động ngoại thương và đầu tư của nước ngoài được thúc đẩy phát triển. Nước ta đang trong quá trình hội nhập và nền kinh tế khu vực và toàn cầu.  - Thách thức:  + Ở nhiều huyện, tỉnh, nhất là ở miền núi còn các xã nghèo.  + Nhiều loại tài nguyên đang bị khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm.  + Vấn đề việc làm, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xoá đói giảm nghèo,...vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội.</p>			
<p><b>Hoạt động 2:</b>  <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p>* Tích hợp MT:  1.Theo em trên địa bàn mình có bị ô nhiễm MT không? Ở đâu? Nêu biện pháp  2. Em hãy làm bài tập 2SGK/23</p>			
<p><b>BÀI 7: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT</b></p>	<p>HS đọc thông tin SGK mục 1 và mục 2 và dựa vào kiến thức đã học</p> <p><b>Phần nội dung ghi vào vở</b>  <u><b>I - Các nhân tố tự nhiên</b></u></p> <p><b>1. Tài nguyên đất</b></p> <table border="1" data-bbox="440 1858 1549 1906"> <tr> <td data-bbox="440 1858 667 1906"></td> <td data-bbox="667 1858 992 1906"><i>Đất phù sa</i></td> <td data-bbox="992 1858 1549 1906"><i>Đất feralit</i></td> </tr> </table>		<i>Đất phù sa</i>	<i>Đất feralit</i>
	<i>Đất phù sa</i>	<i>Đất feralit</i>		

<b>TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP</b>	<b>Phân bố</b>	Các đồng bằng: sông Hồng, sông Cửu Long, Duyên hải	Miền núi và trung du	
	<b>Diện tích</b>	Gần 3 triệu ha	Gần 16 triệu ha	
	<b>Cây trồng thích hợp</b>	- Lúa nước - Cây ngắn ngày: rau màu, cây thực phẩm	- Cây công nghiệp lâu năm - Cây công nghiệp ngắn ngày - Cây ăn quả	
<b>2. Tài nguyên khí hậu</b>				
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên nông nghiệp VN chủ yếu là nền nông nghiệp nhiệt đới.</li> <li>- Khí hậu gió mùa và phân hoá đa dạng tạo nên cơ cấu cây trồng đa dạng, cơ cấu mùa vụ luân phiên quanh năm.</li> <li>- Thiên tai làm tăng tính chất bấp bênh vốn có của ngành buộc phải đầu tư nhằm:</li> </ul>				
<b>3. Tài nguyên nước:</b>				
* Thuận lợi				
- Mạng lưới sông, hồ dày đặc tạo điều kiện nuôi, trồng thủy sản.				
* Khó khăn: Tính chất mùa tạo ra mùa lũ, gây lũ lụt; mùa cạn gây thiếu nước tưới.				
<b>4. Tài nguyên sinh vật:</b>				
- Phong phú .				
- Có nhiều giống tốt, thích nghi với điều kiện sinh thái.				
<b><u>II - Các nhân tố kinh tế - xã hội</u></b>				
Em nghiên cứu SGK/ phần II				
- Có 4 nhân tố kinh tế xã hội				
+ Dân cư và lao động nông thôn				
+ Cơ sở vật chất - kĩ thuật				
+ Chính sách				
+ Thị trường				
<b>Phần nội dung ghi vào vở:</b>				
<b><u>II - Các nhân tố kinh tế - xã hội</u></b>				
	<b>Dân cư</b>	<b>Cơ sở VC-KT</b>	<b>Chính sách</b>	<b>Thị trường</b>
	- Lực lượng lao	- Ngày càng hoàn thiện.	- Nhiều chính sách	- Mở rộng, đa dạng: trong

	<b>Đặc điểm</b>	động trong nông nghiệp cao: 60% - Giàu kinh nghiệm - Có khả năng phát huy bản chất cần cù, sáng tạo	- Công nghiệp phục vụ nông nghiệp phát triển rộng khắp - Các hệ thống: + Điện, đường + Thủy lợi + Thú y + Giống + Vay vốn	mới, phù hợp + Phát triển kinh tế hộ gia đình + Các vùng chuyên canh + Vùng sản xuất hàng hoá chất lượng cao + Hướng ra XK	- ngoài - Yêu cầu Cao, chất lượng sạch, mẫu mã đẹp giá cả hợp lý.
<b>Hoạt động 2:</b> <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Phân tích những thuận lợi của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp ở nước ta?				
<b>BÀI 8</b> <b>SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP</b>	<b><u>I- Ngành trồng trọt</u></b> <i>Phân tích bảng 8.1</i> - Cây lương thực vẫn chiếm tỉ trọng cao, trên 60% nhưng có xu hướng giảm: -6.3% từ 1990 - 2002 - Cây công nghiệp chiếm tỉ trọng thấp nhất năm 1990 đến 2002 đã tăng nhanh 9,2% và đạt 22,7% - Cây ăn quả, rau đậu giảm nhẹ 2,9% - Giảm tỉ trọng cây lương thực nông nghiệp, VN thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa, phát triển đa dạng cây trồng. - Tăng nhanh tỉ trọng cây công nghiệp: VN đang phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới, chuyển sang cây công nghiệp làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và để xuất khẩu. - Dựa vào bảng 8.2 trình bày các thành tựu chủ yếu trong sản xuất lúa? Lấy số liệu năm 2002 chia cho năm 1980 để xem tăng gấp mấy lần? - Lý do của việc năng suất và sản lượng lúa tăng nhanh trong khi diện tích trồng lúa tăng chậm? - Lúa là cây lương thực chính + Nhu cầu trong nước: sinh hoạt + sản xuất + Nhu cầu xuất khẩu - Cùng với giảm tỉ trọng cây lương thực, cây công nghiệp bắt đầu được				

	<p>chú trọng. Giá trị của cây công nghiệp là gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo ra sản phẩm xuất khẩu có giá trị: cà phê, cao su, hồ, điều, chè, tiêu...</li> <li>- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến: lạc, đậu tương, mía...</li> <li>- Tận dụng tài nguyên, phá thế độc canh, bảo vệ môi trường.</li> </ul> <p><b><u>II- Ngành chăn nuôi</u></b></p> <p>* Quan sát H 8.2 tìm vùng phân bố các ngành chăn nuôi</p> <p><b>Phần nội dung ghi vào vở:</b></p> <p><b><u>I- Ngành trồng trọt</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm tỉ trọng cây lương thực</li> <li>- Tăng tỉ trọng cây công nghiệp</li> </ul> <p><b>1. Cây lương thực</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lúa</li> <li>+ Hoa màu: khoai, sắn, ngô</li> <li>- Lúa là cây lương thực chính</li> </ul> <p><b>2. Cây công nghiệp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo ra sản phẩm xuất khẩu có giá trị: cà phê, cao su, hồ, điều, chè, tiêu...</li> </ul> <p><b>3. Cây ăn quả</b></p> <p><b><u>II- Ngành chăn nuôi</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiếm tỉ trọng chưa cao.</li> <li>- Hình thức chăn nuôi công nghiệp</li> <li>+ Chăn nuôi trâu, bò</li> <li>+ Chăn nuôi lợn</li> <li>+ Chăn nuôi gia cầm</li> </ul>
<p><b>Hoạt động 2:</b> <b><i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></b></p>	<p>Kể tên một số cây công nghiệp và cây ăn quả ở nước ta. Tại sao Nam bộ trồng được nhiều loại cây ăn quả có giá trị?</p>

**1. Nếu em có thắc mắc gì ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của em khi thực hiện các nhiệm vụ học tập nhé.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa	Bài.... Mục I: .... Phần II: ....	1. 2. 3.

--	--	--

+ Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến:

Gửi các thắc mắc và các bài tập không giải được cho thầy cô qua nhiều kênh, và nhận phản hồi. Hoặc liên lạc qua đường dây nóng giải đáp thắc mắc được các trường thực hiện với các giáo viên có chuyên môn được phân công.